TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
BAN QLDA NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II - TKV

Số: 280 /NDII-HCTH
V/v Mời báo giá thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy hạng mục hệ thống băng tải cấp than

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II – TKV (sau đây gọi tắt là Ban QLDA) xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới các Quý đơn vị.

Để phục vụ công tác lập dự toán chi phí thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy cho Gói thầu Cung cấp thiết bị, xây lắp hệ thống băng tải cấp than cho NMNĐ Na Dương, Ban QLDA kính mời Quý đơn vị tham gia khảo sát và báo giá thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy với các nội dung yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với vật tư, hàng hoá:

1. Danh mục, đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư, hàng hoá:

Chi tiết theo Danh mục vật tư, hàng hoá đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ; đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hoá:

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Đề nghị Quý đơn vị khi gửi báo giá vui lòng cung cấp kèm theo các thông tin và tài liệu cụ thể như sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp *(kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác)*.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Thời gian có hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá (đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV tại thị trấn Na Dương và xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn),

tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại chân công trình, đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước *(thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, hàng hoá báo giá)*;

- Địa điểm giao hàng: Công trình nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV tại thị trấn Na Dương và xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

- Báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, hàng hoá, bao gồm: tên vật tư, hàng hoá; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, hàng hoá; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng.

III. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 16h30 phút ngày 20 tháng 6 năm 2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Na Dương II - TKV *(Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 0205 3.706.686; E-mail: ND2PMU@vinacominpower.vn).*

(Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua e-mail, kính đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

- Trường hợp cần làm rõ các thông tin liên quan (nếu có): Đề nghị quý đơn vị liên hệ Bà Hoàng Thị Thơ – Phó trưởng phòng Hành chính tổng hợp. Điện thoại: 0978 789 604, Email: thonaduong@gmail.com.

Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng cám ơn sự hợp tác./.

Nơi nhận:
- *Như Kính gửi;*
- *PGĐ H.Q. Thứ (e-copy);*
- *KTTr N.T. Trung (e-copy);*
- *Trang Web TKV (đăng tải);*
- *Trang Wed ĐLTKV (đăng tải)*
- *Lưu: VT, HCTH, HTT.*

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II

Phạm Xuân Phong

PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số 280/NDII-HCTH ngày 11 tháng 6 năm 2025)

CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ, VẬT TƯ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THUỘC HẠNG MỤC HỆ THỐNG BĂNG TẢI CẤP THAN

I. Danh mục thiết bị, vật tư và thông số kỹ thuật yêu cầu:

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Van báo động DN100	Kích thước: DN100 Thân van: gang cầu ASTM A536-77 Kết nối: Mặt bích ANSI B16.42 #150 FF Bộ phụ kiện đi kèm: - Bộ phận điều chỉnh áp suất cho van báo động - Buồng làm chậm Model RC-9, Thép không gỉ, dung tích 1 Gallon - Bộ phận điều chỉnh cảnh báo lưu lượng nước bao gồm công tắc áp suất Potter model PS10-1A, NEMA 4 - Chuông động cơ nước, Model GA - Loại A Chứng nhận: UL, FM	Cái	1
2	Van cổng OS & Y kèm công tắc giám sát DN100	Kích thước: DN80, DN100, DN150, DN200 Thân: gang cầu EN-GJS-450-10 Kết nối: Mặt bích tiêu chuẩn EN 1092-2 Áp suất làm việc: PN16 Chứng nhận: UL,FM Công tắc giám sát Loại: MXHQ Chứng nhận: UL/FM	Cái	2
3	Đầu phun sprinkler hướng xuống K8, 68°C	Kiểu hướng: hướng xuống Áp suất làm việc: 12 bar/175 PSI Hệ số K/Góc: K=8/ 68° Chất liệu: Đồng thau Kết nối: BSPT 3/4" (DN20) Chứng chỉ: Chứng nhận UL, FM	Cái	122
4	Van 1 chiều DN100	Van 1 chiều Loại: Lá lật Kích thước: DN100 Thân: gang cầu EN-GJS-450-10 Kết nối: Mặt bích tiêu chuẩn EN 1092-2 Áp suất làm việc: PN16 Chứng nhận: UL,FM	Cái	1

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
5	Van kiểm tra và xả DN25	Van kiểm tra nước đầu đồng Kích thước: DN25 Thân: Đồng CW617N Kết nối: Ren tiêu chuẩn ISO 7-1 BSPT Áp suất làm việc: 300PSI	Cái	1
6	Van bi DN50	Kích thước: DN50 Thân: Đồng thau CW617N Kết nối: Ren tiêu chuẩn ASME B1.20.1 Áp suất làm việc: 400PSI	Cái	1
7	Van xả khí tự động DN15	Van xả khí siêu nhỏ Kích thước: DN15 Thân: gang cầu EN-GJS-450-10 Áp suất làm việc: PN16	Cái	1
8	Đồng hồ đo áp suất DN15	Model HDP -1, 90mm (3.5") Dial, SS Case, 0 to 300 PSI, UL Listed	Cái	1
9	Bình chữa cháy xách tay ABC 6kg kèm kệ bình	Bình xách tay Chất chữa cháy: ABC Trọng lượng chất chữa cháy: 6kg Tem kiểm định: BCA	Cái	4
10	Modul điều khiển địa chỉ	FDCIO181-1 Single I/O module(en) Module địa chỉ giám sát 01 tiếp điểm và 01 điều khiển có điện áp	Cái	2
11	Modul ngõ vào địa chỉ	FDCI181-1 Single input module(en) Module giám sát địa chỉ cho 01 tiếp điểm khô (công tắc)	Cái	4
12	Modul cách ly	FDCL181 Line Separator (en) Module rẽ nhánh - mạch vòng nhỏ cho mạch Loop	Cái	2
13	Nút nhấn báo cháy địa chỉ (trong nhà)	- Điện áp hoạt động: 24V loop (16-28V). - Dòng chờ: ≤0.6mA. - Dòng báo động: ≤1.8mA. - Hiển thị: led màu đỏ, bình thường chớp sau 3 giây, sáng liên tục khi báo động - Loại gắn trong nhà - Vật liệu : nhựa ASB, màu đỏ	Cái	6

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
14	Nút nhấn báo cháy địa chỉ (ngoài nhà)	- Điện áp hoạt động: 24V loop (16-28V). - Dòng chờ: ≤0.6mA. - Dòng báo động: ≤1.8mA. - Hiển thị: led màu đỏ, bình thường chớp sau 3 giây, sáng liên tục khi báo động - Loại gắn ngoài nhà: Chống nước IP67 - Vật liệu : nhựa ASB, màu đỏ	Cái	1
15	Còi đèn chớp báo cháy (trong nhà)	Điện áp hoạt động: 12 - 30 VDC Màu sắc: đỏ Dòng điện hoạt động: ≤65mA Đèn Led: chớp khi còi báo cháy kích hoạt Kiểu âm thanh: 2,8kHz (ngắt 400ms / 340ms) Âm lượng > 95dB ở khoảng cách 2m	Cái	3
16	Còi đèn chớp báo cháy (ngoài nhà)	Điện áp hoạt động: 12 - 30 VDC Màu sắc: đỏ Dòng điện hoạt động: ≤65mA Đèn Led: chớp khi còi báo cháy kích hoạt Kiểu âm thanh: 2,8kHz (ngắt 400ms / 340ms) Âm lượng > 118 dB ở khoảng cách 2m	Cái	1
17	Bu lông	Bu lông mặt bích 8.8 bao gồm 2 bộ ê cu, vòng đệm	bộ	1.211
18	Bu lông M16	M16 8.8 bao gồm 2 bộ ê cu, vòng đệm	bộ	240
19	Cao su tấm	Dày 10mm; Vật liệu: cao su	m2	2
20	Cáp cảm biến nhiệt kiểu dây	Loại: cáp đa dụng PHSC-EPC Nhiệt độ cảnh báo 88°C	m	975
21	Cáp cấp nguồn báo cháy	- Loại cáp: Cáp xoắn không chống nhiễu, chống cháy - Cấu trúc: 1 cặp dây (1PR) × 1,5 mm² - Điện áp hoạt động: 300/500V - Cấp độ dẫn điện: Class 5 (Lõi đồng mềm, dễ uốn cong) - Vỏ ngoài: LSZH (Low Smoke Zero Halogen – Ít khói, không chứa halogen) - Lớp cách nhiệt: Bọc mica, tăng khả năng chống cháy - Tiêu chuẩn chống cháy: IEC 60331-21, DIN 4102-12 - Chịu lửa từ 120 đến 180 phút	m	12

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
22	Cáp tín hiệu báo cháy	- Loại cáp: Cáp chống cháy, có lớp chống nhiễu (Shielded Fire-Resistant Cable) - Cấu trúc: 1 cặp dây (1PR) x 1,5 mm² - Điện áp hoạt động: 300/500V - Cấp độ dẫn điện: Class 5 (Lõi đồng mềm, dễ uốn cong) - Vỏ ngoài: LSZH (Low Smoke Zero Halogen – Ít khói, không chứa halogen) - Lớp cách nhiệt: Bọc mica, tăng khả năng chịu nhiệt và chống cháy- Chống cháy theo IEC 60331-21, DIN 4102-12, chịu được lửa từ 120 – 180 phút.	m	8
23	Cùm treo 34 DN25	Cùm treo 34 DN25; Vật liệu: thép inox 304	cái	161
24	Cùm U DN100	Cùm U DN100; Vật liệu: thép inox 304	cái	161
25	Cút 90 DN100	Cút 90 độ; DN100 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	19
26	Cút 90 DN25	Cút 90 độ; DN25 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	321
27	Cút 90 DN32	Cút 90 độ; DN32 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	2
28	Dây thép D2mm	Dây thép mạ kẽm D2mm	m	218
29	Gối đỡ bê tông kích thước 280x150x150 (cm)	Vật liệu: bê tông Kích thước: 280x150x150 (cm)	cái	105
30	Giảm DN25/15	Giảm DN25/15 PN10; Vật liệu: gang thép mạ kẽm	cái	161
31	Giảm DN32/25	Giảm DN32/25 PN10; Vật liệu: gang thép mạ kẽm	cái	161
32	Hộp đấu nối	Hộp lắp cho ống D20; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	6
33	Mặt bích mù DN100	Mặt bích mù DN100 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	3
34	Mặt bích rỗng DN100	Mặt bích rỗng DN100 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	48
35	Tê giảm DN100-DN32	Tê giảm DN100-DN32 PN10; Vật liệu: gang thép mạ kẽm	cái	160
36	Ống luồn dây thép tráng kẽm D20	Ống D20; Vật liệu: thép tráng kẽm	m	1.989
37	Ống thép DN100	Ống DN100 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	m	827
38	Ống thép DN25	Ống DN25 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	m	269

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
39	Ống thép DN32	Ống DN32 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	m	219
40	Tê DN100	Tê hàn DN100 PN10; Vật liệu: thép mạ kẽm	cái	9
41	Ty ren M10	Ty ren M10; Vật liệu: thép mạ kẽm	m	306
42	Thép hình	U100x50x4x4; Vật liệu: thép CT3 hoặc tương đương	kg	6.056
43	Thép tấm	Độ dày 5mm; Vật liệu thép CT3 hoặc tương đương	kg	1.893

II. Các nội dung yêu cầu khác:

- Các dịch vụ sau bán hàng khác (nếu có).

Ghi chú: Đề nghị Quý đơn vị báo giá chào đúng chủng loại vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì Quý đơn vị có thể báo giá sang vật tư, hàng hoá tương đương khác và đồng thời cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá do Quý đơn vị đề xuất là tương đương về ***"đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ"*** *với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên.*